

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Trọng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2019, về việc “Ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 19...;

Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 19...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại tổ 10, ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 19/3/2019, lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Vũ Văn H, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983 không có đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn hai người có đời sống hạnh phúc, có được 03 người con: Vũ Văn H, sinh ngày 04/10/19...; Vũ Thủy P, sinh năm 19... và Vũ Thị Th, sinh năm 19...

Quan hệ vợ chồng hạnh phúc trong thời gian trước năm 2019, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng do bị đơn đánh nguyên đơn nhiều lần gây ra thương tích nhẹ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của nguyên đơn. Kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án thì ông bà không còn mối quan hệ vợ chồng, ông H cũng không còn cư trú tại nơi cư trú trên, ông về miền bắc sinh sống;

Do vợ chồng không thể hàn gắn được vì không còn tình nghĩa, tình yêu nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án cho vợ chồng được ly hôn; con của các đương sự đều đã đủ 18 tuổi là những người bình thường, vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

* Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia tố tụng tại Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng bị đơn không đến Tòa án để cung cấp tài liệu, trình bày ý kiến.

Tòa án ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ gửi đến Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định và xác minh tại Ủy ban nhân dân các xã nơi bị đơn cư trú và thực hiện công khai chứng cứ, thông báo về việc thu được tài liệu, tổng đạt văn bản của Tòa án đối với các đương trong vụ án theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh của Tòa án không thu được chứng cứ chứng minh về hôn nhân của bà T và ông H đã đăng ký kết hôn, cũng không có ý kiến yêu cầu của ông H. Tòa án không thể hòa giải vụ án để tiếp tục xây dựng quan vợ chồng của các đương sự do ông H không có ý chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng trong thời gian bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 của Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Vũ Văn H. Về con đã thành niên và có khả năng lao động bà T không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thông nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T trình bày ý kiến: Quan hệ hôn nhân và gia đình của bà và ông H được xác lập từ năm 1983, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ý kiến trình bày của bà T thừa nhận vợ chồng kết hôn, sống chung từ năm 1983, vợ chồng có 03 người con (người con thứ nhất là ..., sinh ngày 04/10/1987). Đây là các chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân và gia đình của bà T và ông H phát sinh trước ngày có Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do hôn nhân của bà T và ông H được thực hiện từ năm 1983 khi chưa có Luật hôn nhân và gia đình, tại Nghị quyết số 35 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội quy định trường hợp này được coi là vợ chồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Các đương sự có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa vợ và chồng, các đương sự không còn sống chung từ ngày bà T gửi đơn khởi kiện vụ án này nên nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ trong quan hệ vợ chồng và vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự không có nợ chung, đối với con và tài sản chung của vợ chồng các đương sự không có tranh chấp không khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí:

Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ly hôn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị T

Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Vũ Văn H

Về tài sản chung và về con của các đương sự không có tranh chấp không có khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này; đối với tranh chấp khác có liên quan đến trách nhiệm của bà T và ông H khi có yêu cầu khởi kiện sẽ được Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006095 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Tân Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.
- UBND cấp xã (nếu có)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính